

Bản án số: 178/2025/HC-PT

Ngày: 26 - 02 - 2025

V/v Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực đất đai thuộc trường  
hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Công Mười

Các Thẩm phán: Ông Cao Văn Tám

Bà Bùi Thị Thu

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Thái Thị Linh Huệ - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Ông Đặng Quốc Hoàng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 818/2024/TLPT-HC ngày 09 tháng 10 năm 2024 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, tái định cư*”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2024/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐPT ngày 05 tháng 02 năm 2025, giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1962.

Địa chỉ: Số A L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

**Người đại diện theo ủy quyền:** Ông Lê Văn L, sinh năm 1960 (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường P, Phường B, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, theo văn bản ủy quyền ngày 13/4/2023.

**- Người bị kiện:** Ủy ban nhân dân thành phố V.

Địa chỉ: Số H đường L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

(xin xét xử vắng mặt).

*Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp:*

+ Ông Phạm Huy L1, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V. (có mặt)

+ Bà Nguyễn Thị Phương T, Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Ông Lê Xuân D, sinh năm 1960.

Địa chỉ: Số A đường L, phường T, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- *Người kháng cáo:* Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Ngày 22/01/2021, Ủy ban nhân dân (UBND) thành phố V ban hành Quyết định số 497/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,3m<sup>2</sup> đất tại phường T do bà Nguyễn Thị Hồng P đang sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường L (từ đường C đến đường B), thành phố V (viết tắt là Quyết định số 497/QĐ-UBND).

Cùng ngày 22/01/2021, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 508/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Nguyễn Thị Hồng P, địa chỉ: A L, phường T, thành phố V do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường L (từ đường C đến đường B), thành phố V (viết tắt là Quyết định số 508/QĐ-UBND).

Tại khoản 1 Điều 1 của Quyết định số 508/QĐ-UBND: Diện tích đất thu hồi 27,3m<sup>2</sup>. Diện tích đất bồi thường 3,3m<sup>2</sup> (theo giá đất ở). Diện tích đất chưa bồi thường 24m<sup>2</sup>. Tổng kinh phí bồi thường, hỗ trợ: 271.535.560 đồng.

Ngày 04/10/2022, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 11768/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung, theo đó diện tích đất 24m<sup>2</sup> không đủ điều kiện bồi thường về đất do nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp (viết tắt là Quyết định số 11768/QĐ-UBND).

Bà P khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND thành phố V về việc thu hồi đất.

- Hủy Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường.

- Hủy Quyết định số 11768/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND

thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung.

- Buộc UBND thành phố V ban hành quyết định thu hồi và bồi thường 24m<sup>2</sup> đất thu hồi là loại đất ở theo đơn giá khảo sát năm 2023.

Tại tòa, đại diện theo ủy quyền của bà P rút yêu cầu khởi kiện về việc hủy Quyết định thu hồi đất số 497/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 và xác định lại yêu cầu khởi kiện của bà P như sau:

- Hủy một phần Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, cụ thể: Hủy phần diện tích đất chưa bồi thường 24m<sup>2</sup> tại phần 1 Điều 1 của quyết định.

- Hủy Quyết định số 11768/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của UBND thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường bổ sung.

- Buộc UBND thành phố V bồi thường bổ sung cho bà P 24m<sup>2</sup> đất thu hồi theo giá đất ở.

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện và người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện cùng trình bày:***

Diện tích 24m<sup>2</sup> đất thu hồi của bà P không được bồi thường có nguồn gốc do ông Nguyễn H khai phá từ trước năm 1975, sau đó chuyển nhượng lại cho bà Nguyễn Thị V vào ngày 27/3/1992. Đến đầu năm 1993, bà V chuyển nhượng lại cho bà P. Tuy nhiên, khi chuyển nhượng thì cán bộ địa chính phường bắt cắt trừ phần mở đường không được ghi vào Đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động, kết quả đầu tư có gắn liền với việc sử dụng đất thì mới xác nhận việc chuyển nhượng. Do cần cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, bà P đồng ý và cũng không lo lắng gì vì bà P mua để ở chứ không phải để đầu cơ, đồng thời bà P vẫn đang sử dụng phần đất này từ khi nhận chuyển nhượng cho đến khi thu hồi.

Ngày 02/12/1998, bà P được UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 566899 với diện tích 125m<sup>2</sup> đất ở, phần này bị thu hồi 3,3m<sup>2</sup> đất và đã được bồi thường theo loại đất ở. Trên phần diện tích 27,3m<sup>2</sup> đất thu hồi có nhà do bà P xây dựng và đã được bồi thường toàn bộ.

Căn cứ Điều 74, khoản 1 Điều 75, khoản 1 và khoản 2 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 thì bà P đủ điều kiện bồi thường 24m<sup>2</sup> đất bị thu hồi còn lại theo loại đất ở và không phải thu tiền sử dụng đất. Do vậy, bà P khởi kiện đến Tòa án với các yêu cầu như trên.

***Ý kiến người bị kiện UBND thành phố V:***

Bà Nguyễn Thị Hồng P sử dụng đất có nguồn gốc được Sở Xây dựng cấp

Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà số 774/CNSHN ngày 12/7/1994 tại nhà số A đường T. Đến ngày 02/12/1998, được UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 566899 với diện tích 125m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 613 cũ (114+117 mới), tờ số 03 cũ (48 mới) tại Phường I (nay là phường T).

Theo Sơ đồ vị trí thửa đất tỷ lệ 1/500 do Phòng Kinh tế thành phố V lập ngày 02/3/1993 thể hiện thửa đất có chiều dài 25m và rộng 5m (diện tích 125m<sup>2</sup>), thửa đất có 01 cạnh tiếp giáp lề đường Tiên Cảng (nay là đường L).

Thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường L (từ đường C đến đường B), UBND thành phố V ban hành Quyết định số 497/QĐ-UBND về việc thu hồi 27,3m<sup>2</sup> tại phường T do bà Nguyễn Thị Hồng P đang sử dụng và Quyết định số 508/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, theo đó: Diện tích đất thu hồi 27,3m<sup>2</sup> đất, tính bồi thường 3,3m<sup>2</sup> đất ở do xác định thuộc Giấy chứng nhận số M 566899; không bồi thường 24m<sup>2</sup> đất do không thuộc Giấy chứng nhận số M 566899.

Việc bồi thường giá trị quyền sử dụng đất được UBND thành phố V áp dụng giá đất cụ thể được UBND tỉnh B phê duyệt tại Quyết định số 3837/QĐ-UBND ngày 22/12/2020 là đảm bảo theo quy định tại Điều 112, Điều 114, Điều 115 Luật Đất đai năm 2013. Việc khảo sát giá đất cụ thể được thực hiện bởi Công ty Thẩm định giá Đất Việt (VLAND) là đơn vị có chức năng tư vấn khảo sát giá đất được cơ quan có thẩm quyền cấp phép. Công tác khảo sát được thực hiện theo đúng trình tự, thủ tục quy định.

Bà P sử dụng đất đã được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 774/CNSHN ngày 12/7/1994 và được UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 566899 ngày 02/12/1998 với diện tích 125m<sup>2</sup> đất ở. Bà P không có thắc mắc, khiếu nại gì đối với diện tích đất đã được cấp (thiếu diện tích) từ thời điểm được cấp giấy chứng nhận đến thời điểm Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Đường L. Hồ sơ pháp lý không có bất kỳ tài liệu, giấy tờ nào khác chứng minh việc chuyển nhượng, sử dụng đất của bà P ngoài diện tích 125m<sup>2</sup> đất ở đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Tại Biên bản phục vụ công tác bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập ngày 03/12/2020, UBND phường T xác nhận phần diện tích 24m<sup>2</sup>/27,3m<sup>2</sup> là phần diện tích ngoài Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 566899 ngày 02/12/1998 và xác nhận thuộc thửa số 495, tờ số 03 (cũ) diện tích 1.560m<sup>2</sup> loại đất “ĐM” do ông Nguyễn H khai phá và chuyển nhượng cho bà P. Tuy nhiên, hồ sơ không có giấy tờ chứng minh việc chuyển nhượng từ ông Nguyễn H cho bà P, UBND phường T cũng không xác định được thời điểm chuyển nhượng, thời điểm sử dụng của bà P đối với diện tích 24m<sup>2</sup> đất tăng thêm ngoài Giấy chứng

nhận số M 566899 đã cấp. Theo Sơ đồ vị trí thửa đất tỷ lệ 1/500 do Phòng Kinh tế lập ngày 02/3/1993 thể hiện diện tích 24m<sup>2</sup> không thuộc kích thước chiều dài 25m, thuộc phần “lề đường”.

Mặt khác theo biên bản kiểm đếm, thống kê về nhà ở, tài sản khác gắn liền với đất do Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố V lập ngày 04/11/2020 thể hiện trên phần diện tích thu hồi không có nhà, vật kiến trúc sử dụng vào mục đích để ở, chỉ có bảng hiệu, mái che tôn, đồng hồ nước, sân bê tông - thuộc thửa đường giao thông.

Do đó, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 11768/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 không bồi thường phần diện tích 24m<sup>2</sup> là đúng quy định pháp luật và phù hợp tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ.

Bà P khởi kiện là không có cơ sở giải quyết, đề nghị Tòa án bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà P.

***Ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Lê Xuân D:***

Ông D là chồng của bà P. Ông D thống nhất với ý kiến và yêu cầu khởi kiện của bà P, không bổ sung gì thêm.

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2024/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu quyết định:***

Căn cứ khoản 2 Điều 173, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng Hành chính;

Căn cứ khoản 3 Điều 12 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P về việc hủy Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi 27,3m<sup>2</sup> đất tại phường T do bà Nguyễn Thị Hồng P đang sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường L (từ đường C đến đường B), thành phố V.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P:

- Hủy phần diện tích đất chưa bồi thường 24m<sup>2</sup> tại phần 1 Điều 1 Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Nguyễn Thị Hồng P do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường L (từ đường C đến đường B), thành phố V.

- Hội Quyết định số 11768/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho ông (bà) Nguyễn Thị Hồng P do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường L (từ đường C đến đường B), thành phố V.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho bà Nguyễn Thị Hồng P đối với diện tích đất 24m<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quy định về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 07/8/2024 người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V kháng cáo đề nghị sửa bản án sơ thẩm số 75/2024/HC-ST ngày 11/7/2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc chấp hành pháp luật: Hội đồng xét xử phúc thẩm và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng các quy định pháp luật.

- Về nội dung: Theo đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động, kết quả đầu tư có gắn liền với việc sử dụng đất ngày 02/01/1993, được U xác nhận ngày 08/01/1993 thì bà V chuyển nhượng bà P phần diện tích 125m<sup>2</sup>. Tại đơn xin đăng ký quyền sử dụng đất bà P kê khai cũng là diện tích 125m<sup>2</sup>. Do đó việc UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 01/12/1998 cho bà P là đúng quy định. Bà P cho rằng diện tích 24m<sup>2</sup> bị thu hồi của gia đình bà nằm trong tổng diện tích 1.560m<sup>2</sup> ông H kê khai. Tuy nhiên theo bản đồ địa chính và sổ mục kê năm 2004 thể hiện ông H đã tách ra và cấp giấy chứng nhận cho nhiều người khác với tổng diện tích là 1.586,8m<sup>2</sup>. Việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà P là không phù hợp với tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính năm 2015 tuyên chấp nhận yêu cầu kháng cáo của UBND thành phố V, sửa bản án hành chính sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Tại phiên tòa, người khởi kiện và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng có người đại diện theo ủy quyền tham gia phiên tòa, người bị kiện có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật Tố tụng Hành chính, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự nêu trên.

Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết, thời hiệu khởi kiện, Tòa án cấp sơ thẩm xác định là có căn cứ, đúng quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, Điều 116 Luật tố tụng hành chính.

[2]. Về nội dung:

[2.1] Thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình đường L, UBND thành phố V đã ban hành Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 thu hồi của bà P diện tích 27,3m<sup>2</sup> đất, Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và Quyết định số 11768/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung. Theo đó, diện tích đất được bồi thường là 3,3m<sup>2</sup> đất ở (phần đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M 566899). Diện tích 24m<sup>2</sup> đất phía trước, nằm ngoài giấy chứng nhận quyền sử dụng đất không được bồi thường về đất; được hỗ trợ nhà, vật kiến trúc trên đất bằng 100% mức bồi thường nhà, vật kiến trúc xây dựng năm 1994.

Bà P không đồng ý đã khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy phần diện tích đất chưa bồi thường 24m<sup>2</sup> tại phần 1 Điều 1 của Quyết định số 508/QĐ-UBND; hủy Quyết định số 11768/QĐ-UBND; buộc UBND thành phố V bồi thường bổ sung diện tích đất 24m<sup>2</sup> theo giá đất ở cho bà P theo quy định của pháp luật.

[2.2] Xét thấy, nhà đất bà P đang quản lý, sử dụng có nguồn gốc do ông Nguyễn H khai hoang và đăng ký kê khai từ năm 1991 thuộc thửa 495, tờ bản đồ số 03 với diện tích 1.560m<sup>2</sup>, loại (ĐM), đến ngày 27/3/1992 sang nhượng lại cho bà Nguyễn Thị V. Bà V sử dụng đến ngày 02/01/1993 thì sang nhượng lại cho bà Nguyễn Thị Hồng P diện tích 125m<sup>2</sup> (5m x 25m).

Theo đơn xin chuyển nhượng thành quả lao động, kết quả đầu tư có gắn liền với việc sử dụng đất ngày 02/01/1993, được U xác nhận ngày 08/01/1993 có nội dung: Khu đất chị Nguyễn Thị V chuyển nhượng cho chị Nguyễn Thị Hồng P sử dụng có diện tích 125m<sup>2</sup>, có nguồn gốc do ông Nguyễn H khai phá trước năm 1975, nhượng lại cho chị Nguyễn Thị V ngày 27/3/1992, được UBND thành phố V phê duyệt ngày 14/9/1992. Đất có tứ cận: Phía Nam giáp đường quân sự dài 25m, phía Bắc giáp đất ông M dài 25m, phía Tây giáp đường T dài 5m, phía Đông giáp đất ông K dài 5m.

Bà P sử dụng đất đã được Sở xây dựng cấp Giấy chứng nhận quyền sở hữu nhà ở số 774/CNSHN ngày 12/7/1994 và được UBND tỉnh B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số M566899 ngày 02/12/1998 với diện tích 125m<sup>2</sup> đất ở thuộc thửa đất số 613 cũ (mới 114, 17), tờ bản đồ số 03 cũ (48 mới) tại Phường I (nay là phường T), thành phố V. Theo đơn đăng ký quyền sử dụng đất ngày 03/7/1998, bà P cũng kê khai, đăng ký diện tích đất 125m<sup>2</sup>.

Về diện tích đất thuộc thửa 495 có nguồn gốc do ông Nguyễn Hứa đăng K1 kê khai sau đó đã được tách thửa và chuyển nhượng cho nhiều người khác sử dụng. Tổng diện tích đất các thửa tách cộng lại là 1.586,8m<sup>2</sup>; nhiều hơn phần diện tích ông H kê khai 26,8m<sup>2</sup> (ông H kê khai 1.560m<sup>2</sup>). Ngoài ra, theo bản đồ địa chính năm 2004 thì tại phần diện tích đất 24m<sup>2</sup> không thể hiện nét ranh nhà mà thuộc một phần thửa 140, diện tích 9.000m<sup>2</sup>, loại đất giao thông.

Như vậy, không có căn cứ xác định phần diện tích 24m<sup>2</sup> nằm trong tổng diện tích đất 1.560m<sup>2</sup> thửa 495 mà trước đây ông Nguyễn Hứa kê K2. Quá trình sử dụng đất, bà P chỉ đăng ký kê khai đối với diện tích 125m<sup>2</sup>. Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 02/12/1998 với diện tích 125m<sup>2</sup>, bà P cũng không có ý kiến phản đối, khiếu nại.

Do phần diện tích 20,7m<sup>2</sup> thuộc đất đường giao thông, bà P sử dụng thuộc trường hợp lấn chiếm nên không đủ điều kiện để được bồi thường theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai năm 2013. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng diện tích đất 24m<sup>2</sup> có nguồn gốc do nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn H sử dụng ổn định, không có tranh chấp nên đủ điều kiện để bồi thường về đất là không có căn cứ, không phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

[2.3] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố V; sửa một phần bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P về việc hủy các quyết định về bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất và buộc UBND thành phố V thực hiện bồi thường về đất đối với diện tích 24m<sup>2</sup>.

[3]. Về án phí:

- Về án phí hành chính sơ thẩm: Người khởi kiện bà Nguyễn Thị Hồng P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật do yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Tuy nhiên, do bà P là người cao tuổi nên được miễn. Người bị kiện không phải chịu.

- Về án phí hành chính phúc thẩm: Người bị kiện UBND thành phố V không phải chịu do kháng cáo được chấp nhận.

*Vì các lẽ trên,*



## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241, Điều 242 Luật Tố tụng Hành chính; Điều 75 Luật Đất đai 2013; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố V.

Sửa một phần Bản án hành chính sơ thẩm số 75/2024/HC-ST ngày 11 tháng 7 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

*Tuyên xử:*

1/ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P về việc hủy Quyết định số 497/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi 27,3m<sup>2</sup> đất tại phường T do bà Nguyễn Thị Hồng P đang sử dụng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng đường L (từ đường C đến đường B), thành phố V.

2/ Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hồng P về việc:

- Hủy phần diện tích đất chưa bồi thường 24m<sup>2</sup> tại phần 1 Điều 1 Quyết định số 508/QĐ-UBND ngày 22/01/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cho ông (bà) Nguyễn Thị Hồng P do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường L (từ đường C đến đường B), thành phố V.

- Hủy Quyết định số 11768/QĐ-UBND ngày 04/10/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho cho ông (bà) Nguyễn Thị Hồng P do Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án đường L (từ đường C đến đường B), thành phố V.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ, công vụ phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư bổ sung cho bà Nguyễn Thị Hồng P đối với diện tích đất 24m<sup>2</sup> theo quy định của pháp luật.

3/ Án phí hành chính sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Hồng P được miễn.

4/ Án phí hành chính phúc thẩm: Hoàn trả cho UBND thành phố V 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0000668 ngày 05/9/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

5/ Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

6/ Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

***Nơi nhận:***

- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh BRVT;
- VKSND tỉnh BRVT;
- Cục THADS tỉnh BRVT;
- Đương sự;
- Lưu: HS, VP, 17bTTLH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHỨC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phạm Công Mười**